

ỦY BAN DÂN TỘC - BỘ TÀI CHÍNH - BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN DÂN TỘC - BỘ TÀI CHÍNH - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2013

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 755/QĐ-TTg
ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách
hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số
nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn**

Căn cứ Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư liên tịch này hướng dẫn thực hiện chính sách và trình tự, thủ tục xác định đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn (sau đây gọi tắt là Quyết định số 755/QĐ-TTg).

2. Vùng đồng bằng sông Cửu Long được hưởng chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quyết định số 755/QĐ-TTg.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số) và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo tiêu chí hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, có trong danh sách hộ nghèo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm Quyết định số 755/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành; sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp, chưa có hoặc chưa đủ đất ở, đất sản xuất theo hạn mức đất bình quân chung do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), có khó khăn về nước sinh hoạt; chưa được hưởng các chính sách của nhà nước hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt;

Đối với các địa phương có quy định chuẩn nghèo cao hơn chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc vận dụng chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định số 755/QĐ-TTg; kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương đảm bảo.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đất ở

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tự cân đối quỹ đất và ngân sách để quyết định giao đất ở cho hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách để làm nhà ở theo quy định tại Điều 1 và Khoản 2 Điều 3 của Quyết định số 755/QĐ-TTg.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đất sản xuất

1. Đất sản xuất quy định tại Quyết định số 755/QĐ-TTg gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất rừng sản xuất và đất nông nghiệp khác.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất, điều kiện thực tế của địa phương để quy định mức bình quân diện tích đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình trên địa bàn tỉnh nhưng không được vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp cho mỗi hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật đất đai để làm cơ sở xác định hộ gia đình chưa đủ đất sản xuất.

3. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương và vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội cho mỗi hộ chưa có đất sản xuất tối đa 30 triệu đồng/hộ. Trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ 15 triệu đồng/hộ và được vay tín dụng tối đa không quá 15 triệu đồng/hộ, thời gian vay là 5 năm với mức lãi suất bằng 0,1%/tháng tương đương

với 1,2%/năm. Đối với hộ thiếu đất sản xuất, số tiền được hỗ trợ tương ứng với diện tích đất còn thiếu so với mức bình quân diện tích đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình trên địa bàn tỉnh quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất, điều kiện thực tế của địa phương để quyết định thực hiện hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này như sau:

a) Trường hợp địa phương còn quỹ đất có khả năng sản xuất được mà không cần phải thực hiện cải tạo đất thì Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) căn cứ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thực hiện giao đất hỗ trợ cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách chưa có đất sản xuất hoặc chưa đủ đất sản xuất theo quy định của pháp luật về đất đai, Quyết định số 755/QĐ-TTg và Thông tư này. Các hộ này không được sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và không được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Trường hợp địa phương còn quỹ đất sản xuất nhưng phải khai hoang, phục hóa, cải tạo đất để có khả năng sản xuất được thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) hướng dẫn các hộ trực tiếp khai hoang, phục hóa, cải tạo đất hoặc tổ chức lập và thực hiện dự án khai hoang, phục hóa, cải tạo đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để giao đất sản xuất cho hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định của pháp luật về đất đai, Quyết định số 755/QĐ-TTg và Thông tư này. Kinh phí thực hiện việc khai hoang, phục hóa, cải tạo đất thực hiện theo quy định tại Quyết định số 755/QĐ-TTg;

c) Trường hợp các hộ có nhu cầu tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Mức hỗ trợ thực hiện việc nhận chuyển nhượng theo số tiền giao dịch thực tế nhưng không vượt quá quy định tại Khoản 3 Điều này;

d) Tùy điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ thêm cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn hợp pháp khác.

Điều 5. Hỗ trợ nước sinh hoạt

1. Nước sinh hoạt phân tán

Việc hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cần phải linh hoạt, phù hợp với điều kiện của từng thôn, xã và điều kiện sinh hoạt của từng hộ; đảm bảo nguyên tắc các hộ được hỗ trợ kinh phí phải có nước sinh hoạt ổn định và bố trí ở khu vực thuận tiện cho sinh hoạt gia đình;

Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách các hộ được hỗ trợ kinh phí nước phân tán theo chính sách. Ủy ban nhân dân cấp xã giám sát và cấp vốn hỗ trợ theo chính sách cho các hộ trong danh sách đã được duyệt.

2. Nước sinh hoạt tập trung

Đầu tư xây dựng những công trình nước sinh hoạt tập trung phải căn cứ theo Đề án đã được phê duyệt thuộc Quyết định số 1592/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh các công trình thuộc đề án đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo xin ý kiến Ủy ban Dân tộc.

Căn cứ vào kết quả rà soát, căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức vốn đầu tư từng công trình nước sinh hoạt tập trung theo Quyết định số 755/QĐ-TTg cho phù hợp.

Điều 6. Các chính sách khác

Đối với những địa phương không còn quỹ đất sản xuất để giao, tùy điều kiện thực tế của địa phương thực hiện một trong các hình thức như hỗ trợ để chuyển đổi nghề hoặc hỗ trợ đi xuất khẩu lao động hoặc giao khoán bảo vệ và trồng rừng.

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề cho các hộ thuộc đối tượng hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg của địa phương; phối hợp với các Sở, ngành chức năng và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mở các lớp đào tạo nghề theo cơ chế, chính sách quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012 - 2015;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách các hộ có nhu cầu vốn mua sắm nông cụ, máy móc để làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp; quyết định danh sách các hộ được vay vốn để làm các nghề khác (nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp, kinh doanh buôn bán nhỏ và dịch vụ), Ủy ban nhân dân cấp xã giám sát và cấp vốn hỗ trợ theo chính sách cho các hộ trong danh sách đã được duyệt, đồng thời thông báo và phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện giải ngân phần vốn vay.

2. Hỗ trợ xuất khẩu lao động

Đối với những hộ chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất có nhu cầu xuất khẩu lao động thực hiện theo cơ chế, chính sách quy định tại Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020 và Thông tư liên tịch số 31/2009/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2009 hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg. Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp danh sách hộ được hưởng

chính sách báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện.

3. Giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng

Hộ gia đình thực hiện giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng theo Quyết định số 755/QĐ-TTg thực hiện như cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo, Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 và Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 01 tháng 02 năm 2013 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quản lý, sử dụng vốn đầu tư từ kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 57/QĐ-TTg. Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp danh sách đối tượng được hưởng chính sách báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện.

Điều 7. Trình tự và thủ tục, hồ sơ xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg

1. Trưởng thôn tổ chức họp mời đại diện tất cả các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách của thôn có trong danh sách hộ nghèo của xã, thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã trong thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận chỉ đạo của xã.

Các hộ đăng ký với trưởng thôn nhu cầu hưởng chính sách hỗ trợ; trưởng thôn lập danh sách các hộ đăng ký. Thời gian hoàn thành trong 3 ngày làm việc kể từ ngày thôn tổ chức họp thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã.

2. Trưởng thôn tổ chức họp thôn bình xét công khai có đại diện của các tổ chức chính trị - xã hội tại thôn, đại diện một số hộ gia đình có trong danh sách; Trưởng thôn lập hồ sơ (gồm biên bản họp bình xét và danh sách theo thứ tự ưu tiên những hộ thuộc diện gia đình chính sách, hộ khó khăn hơn) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong 2 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đăng ký.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, tổng hợp hồ sơ của các thôn, tổ chức kiểm tra quy trình bình xét ở thôn; lập danh sách thứ tự ưu tiên tại xã có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; lập 02 bộ hồ sơ (gồm văn bản đề nghị kèm theo danh sách) gửi 01 bộ cho Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện và 01 bộ niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong 10 làm việc ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các thôn.

4. Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện rà soát, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp nhu cầu của các xã, lập hồ sơ (gồm văn bản đề nghị kèm